

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VLASER**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VLASER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VLASER TECHNOLOGY SCIENCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VLASER.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107875967

**3. Ngày thành lập:** 06/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 20/761 đường Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                  | 4322     |
| 2.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4741     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                              | 4651     |
| 4.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4742     |
| 5.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                               | 7210     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm | 6209     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh              | 8299     |
| 8.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                   | 7120     |
| 9.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn                                                                                 | 7220     |
| 10. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                        | 9511     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                       | 9512     |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                      | 5210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652        |
| 15. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 16. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6329        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7490(Chính) |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730        |
| 20. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320        |
| 22. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÀNH QUỐC TUẤN      | P203-F2, tổ 15, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 900.000.000           | 45,000    | 001079015009                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                              | Tổng số           | 9.000      | 900.000.000           | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN  | Số nhà 20/761, đường Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 7.000      | 700.000.000           | 35,000    | B7010725                                                                                    |         |
|     |                     |                                                                                              | Tổng số           | 7.000      | 700.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | CAO NGỌC KHÁNH LINH | 110-nhà B, Tập thể NHTƯ, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 4.000      | 400.000.000           | 20,000    | 012644421                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                              | Tổng số           | 4.000      | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÀNH QUỐC TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079015009

Ngày cấp: 27/12/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P203-F2, tổ 15, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P203-F2, tổ 15, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội